

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1068/2017/HNGĐ-PT

Ngày 22-11-2017

V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt
Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 895/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2606/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông M, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Đường 1, xã 2, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Đường 3,, xã 4, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Giấy ủy quyền số công chứng 00011342 lập tại Văn phòng Công chứng C, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/11/2017.

- Bị đơn: Bà N1, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Đường 5, xã 6, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông M trình bày:

Ông và bà N1 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 624/2011/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2011. Về con chung, ông và bà N1 có một con chung tên là T (nam), sinh ngày 01/8/2010, Tòa giao cho bà N được quyền trực tiếp nuôi con, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng. Ông đã thực hiện việc cấp dưỡng đầy đủ nhưng mỗi lần đến thăm con, ông lại bị bà N1 và gia đình vô cớ đánh đập không cho thăm con. Nay ông yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, giao cho ông được trực tiếp nuôi trẻ T, không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng nuôi con.

Theo bị đơn là bà N1 trình bày:

Bà và ông M ly hôn được 07 năm và có 01 con chung là T, sinh ngày 01/8/2010. Từ lúc có bầu đến nay ông M chưa hề tới thăm, lo lắng cho con. Hiện tại trẻ T đang sinh sống với bà khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, ông M có cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng nhưng từ tháng 11/2015 cho đến nay ông M không hề cấp dưỡng nuôi con. Việc ông M nói gia đình bà đánh đập là không đúng, ông M đến gây sự với gia đình bà sau đó có làm đơn ra xã nhưng xã xác minh là gia đình bà không đánh đập. Nay ông M yêu cầu thay đổi quyền nuôi con thì bà không đồng ý.

Tại Bản án sơ thẩm số 895/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông M đối với bị đơn bà N1 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là trẻ T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005387 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A; ông M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/8/2017, ông M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo là ông M, đồng thời là nguyên đơn trong vụ án và người đại diện theo ủy quyền của ông M là bà N cùng trình bày:

Do bà N1 dùng vũ lực cản trở ông M thăm con chung nên ông đã khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nhưng không được Tòa sơ thẩm chấp nhận, vì vậy ông M kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao con chung là trẻ T cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con vì có đủ khả năng. Hiện ông M sống cùng với mẹ ruột, nhà chỉ có 2 mẹ con, ông M có tổng thu nhập khoảng 5.300.000đ/tháng từ nghề làm vườn tại nhà với thu nhập khoảng 30.000.000đ/năm (khoảng 2.500.000đ/tháng) và tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng để lấy lãi khoảng 2.800.000đ/tháng. Sau khi ly hôn ông M cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng, tháng 11/2015 ông M bị bà N đánh nên từ đó đến nay ông M không cấp dưỡng nuôi con nữa vì đang khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con. Chứng cứ yêu cầu thay đổi người nuôi con là:

- Biên bản hòa giải ngày 23/10/2013 của Công an xã 2, huyện A và Giấy xác nhận của Phòng khám Đa khoa C, huyện A ngày 20/9/2015, thể hiện bà N1 gây thương tích cho ông M để buộc ông M phải từ bỏ huyết thống của mình;

- Đĩa ghi âm cuộc nói chuyện do ông M ghi âm tại nhà bà N lần thứ nhất lúc 18 giờ 03 phút ngày 15/9/2015 và lần thứ hai lúc 18 giờ 18 phút ngày 20/9/2015 thể hiện bà N và gia đình bà N cô lập trẻ T không cho cha đi thăm con;

- Bà N thừa nhận trẻ T “*sống với bà*” khỏe mạnh bình thường, tức bà N không trực tiếp nuôi con mà giao con mình cho bà ngoại nuôi nhưng lại không cho cha nuôi con, thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A.

Ông M cũng thừa nhận trẻ T được cho đi học và hiện đang phát triển khỏe mạnh, bình thường.

Bị đơn là bà N1 trình bày:

Bà không cản trở ông M thăm con và vẫn đang nuôi con tốt nên không đồng ý thay đổi người nuôi con. Sau khi ly hôn ông M không thực hiện đúng việc cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng như thỏa thuận mà đến 3, 4 tháng mới cấp dưỡng một lần qua cơ quan thi hành án, từ tháng 10/2015 đến nay ông M không cấp dưỡng nuôi con vì vậy bà phải làm đơn gửi cơ quan thi hành án yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng như lúc ly hôn nay không còn phù hợp nên sau này bà sẽ làm đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà làm công nhân với thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Theo người kháng cáo trình bày thì sau khi ly hôn bà N1 là người nuôi con chung đã cản trở không cho ông thăm con nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là trẻ T. Xét thấy, ông M thừa nhận từ tháng 11/2015 đến nay ông không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con nhưng bà N1 vẫn đảm bảo việc nuôi con rất tốt, khỏe mạnh; tại phiên tòa hôm nay trẻ T trình bày nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, do đó chưa đủ cơ sở thay đổi người nuôi con và chấp nhận kháng cáo của ông M, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông M làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Theo các đương sự trình bày và hồ sơ thể hiện thì trước kia ông M bà N1 là vợ chồng, đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 624/2011/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó bà N1 là người trực tiếp nuôi con chung là trẻ T (nam), sinh ngày 01/8/2010, ông M cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng. Nay vì bà N1 cản trở ông M thăm con nên ông M khởi kiện yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T, nếu được nuôi con ông M không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Cụm từ “*sống với bà*” được sử dụng trong Biên bản hòa giải ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A thể hiện trẻ T đang ở với mẹ là bà N1, từ “*bà*” ở đây là cách gọi tắt, là ngôn xưng để chỉ bà N1 - là đương sự tham gia phiên hòa giải - chứ không phải cứ gọi là “*bà*” thì phải là “*bà ngoại*” như cách hiểu của ông M; Biên bản hòa giải ngày 23/10/2013 của Công an xã 2, huyện A chỉ thể hiện ngày 02/10/2013 ông M bị bà N chặn đường để đòi tiền cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận lúc ly hôn; Giấy xác nhận của Phòng khám Đa khoa C, huyện A ngày 20/9/2015 mà ông M xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện ông M đến phòng khám này khám bệnh và khai do bị đánh, nhưng không rõ ai đánh ông M và đánh vào lúc nào, đánh vì lý do gì? Do đó không thể xác định bà N1 dùng vũ lực gây thương tích để cản trở ông M thăm con như lời ông M trình bày. Đối với nội dung thu âm cuộc nói chuyện điện thoại mà ông M trình bày tự ghi âm tại nhà bà N1 lúc 18 giờ 03 phút ngày 15/9/2015 và lúc 18

giờ 18 phút ngày 20/9/2015 cũng không thể hiện bà N1 và gia đình bà cô lập trẻ T không cho ông M thăm con như lời ông M khai.

- Căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp và giao nộp cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp; ngoài các chứng cứ trên ông M không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở; thực tế trẻ T từ khi sinh ra đến nay vẫn do mẹ là bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, được cho đi học và phát triển khỏe mạnh; Tại Tòa phúc thẩm, trẻ T có nguyện vọng được tiếp tục ở chung với mẹ; Khi Hội đồng xét xử yêu cầu ông M cho biết hiện nay trẻ T đang học lớp mấy, học ở trường nào thì ông M không trả lời được; ông M cũng thừa nhận từ tháng 11/2015 đến nay ông không thực hiện cấp dưỡng nuôi con và đưa ra lý do không cấp dưỡng là do đang khởi kiện xin thay đổi người nuôi con là không có cơ sở, chứng tỏ ông M chưa thực sự quan tâm đến trẻ T do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M đòi được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thay đổi người nuôi con không được chấp nhận, ông M phải chịu, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 306 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông M về mặt hình thức.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 895/2017/HNGĐ-ST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông M đối với bị đơn là bà N1 về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là trẻ T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu thay đổi người nuôi con là 200.000 đồng ông M phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0005387 ngày 25/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng ông M phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0007206 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương